TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/DS - PT
Ngày 10 - 4 - 2024
V/v Tranh chấp chia thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Phạm Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc "*Tranh chấp chia thừa kế*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 55/2024/QĐ – PT ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Châu Mỹ C, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Lung Đồng, xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

2. Bà Châu Mỹ V, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, đường L, khóm E, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo ủy quyền của Châu Mỹ V là chị Trang Nhơn P, sinh năm 1978, địa chỉ: Số C, đường L, khóm E, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Châu Tông N, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Bến Có, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. Bà Châu Mỹ Thu H, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: số C, P, khóm B, phường C, tp T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lâm Thị N1, sinh năm 1968 (vắng mặt)

2. Ông Châu Hoàng A, sinh năm 1997 (vắng mặt)

3. Bà Châu Hoàng D, sinh năm 2005 (vắng mặt)

4. Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

5. Ông Châu Hoàng L, sinh năm 1990 (xin xét xử vắng mặt)

6. Bà Châu Hoàng Diễm T1, sinh năm 1994 (vắng mặt)

7. Bà Châu Hoàng Bảo C1, sinh năm 1998 (xin xét xử vắng mặt)

8. Bà Lê Thu V1, sinh năm 1970 (vắng mặt)

9. Ông Châu Hoàng L1, sinh năm 2001 (xin xét xử vắng mặt)

10. Bà Châu Hoàng M, sinh năm 2007 (xin xét xử vắng mặt)

11. Ông Châu Tông L2, sinh năm 1966 (có mặt)

12. Ông Châu Tòng T2, sinh năm 1960 (xin xét xử vắng mặt)

13. Ông Châu Tông T3, sinh năm 1967 (xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh

14. Ông Châu Tòng P1, sinh năm 1944 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh

15. Bà Châu Mỹ V2, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh

16. Bà Châu Mỹ H1, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: số C, P, khóm B, phường C, tp T, tỉnh Trà Vinh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Châu Mỹ H1: Luật sư Nguyễn Thị Hồng P2, Công ty L4, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt)

17 Bà Châu Mỹ T4, sinh năm 1955 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh

18. Bà Châu Mỹ P3, sinh năm 1960 (xin xét xử vắng mặt)

19. Ông Châu Tông N2, sinh năm 1965 (xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường P, khóm B, phường C, tp T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:*Bà Châu Mỹ C2 là nguyên đơn; ông Châu Tông N, bà Châu Mỹ Thu H là bị đơn; ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ P3, bà Châu Mỹ H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Châu Mỹ C trình bày: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp thửa số 106, tờ bản đồ số 39, diện tích chung thực đo là 5.175m^2, tọa lạc ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh là của cha mẹ bà là ông Châu K (chết năm 1998) và bà Trần Xuân L3 (chết năm 2020), do mẹ bà đứng tên quyền sử dụng đất. Cha mẹ bà có với nhau 11 người con, gồm: Châu Tông N, Châu Tông L2, Châu T, Châu Tông T3, Châu Tông N2, Châu Mỹ Thu H, Châu Mỹ H1, Châu M, Châu Mỹ T4, Châu Mỹ P3 và Châu Mỹ C2. Cha bà cùng với ngườivợ trước là bà Trang B có với nhau 03 người con gồm: Châu T, Châu Mỹ V và Châu Mỹ N3 (chết không có chồng, con). Khi mẹ bà còn sống Nhà nước có thu hồi một phần diện tích đất của thửa 106 nêu trên với số tiền 690.000.000đồng. Cha mẹ bà chết không có di chúc để lại thửa đất 106 nêu trên cho ai. Nay bà yêu cầu chia thừa kế diện tích thực đo là 5.175m^2 thuộc thửa 106 trên thành 13 phần bằng nhau, bà yêu cầu được hưởng 01 phần diện tích là 382m^2, sau khi trừ diện tích căn nhà của ông Châu K và bà Trần Xuân L3 thực đo là 201m^2 bà không yêu cầu chia thừa kế. Vị trí đất bà C2 yêu cầu được chia là phần đất mặt tiền Quốc lộ E, bên ngoài cùng giáp căn nhà của cha mẹ bà. Riêng đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với số tiền 690.000.000đông, bà rút lại yêu cầu khởi kiện này.

Theo đơn khởi kiện, các lời khai của bà Châu Mỹ V, lời khai của bà Trang Nhơn P là người đại diện hợp pháp của bà Châu Mỹ V trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 106 trên có nguồn gốc là của cha bà Châu Mỹ V là ông Châu K (chết năm 1998) và bà Trần Xuân L3 (chết năm 2020). Bà Châu Mỹ V là con của ông Châu k với bà Trang B (chết trước ông Châu K), còn bà Trần Xuân L3 là mẹ sau của bà V. Cha bà V là ông Châu K chết không để lại di chúc đối với thửa đất 106 nêu trên nên bà V có yêu cầu được hưởng thừa kế phần của ông Châu K để lại diện tích 191 m^2 trong tổng diện tích chung thực đo là 5.175m^2 thửa 106 sau khi trừ diện tích căn nhà của ông Châu K và bà Trần Xuân L3 thực đo là 201m^2. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Trang Nhơn P là người đại diện hợp pháp của bà Châu Mỹ V là xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V và đồng ý giao suất thừa kế của bà V được hưởng cho bà Châu Mỹ C được hưởng.

Bị đơn ông Châu Tông N, bà Châu Mỹ Thu H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Tông T3, bà Châu Mỹ V2 và bà Châu Mỹ H1, ông Châu Tông N2, ông Châu Tòng T2 và bà Châu Mỹ P3 trình bày: Về nguồn gốc thửa đất 106 là đất của cha mẹ của các ông, bà là ông Châu K và bà Trần Xuân L3. Ông Châu K (chết năm 1998) và bà Trần Xuân L3 (chết năm 2020) có 11 người con, gồm: Châu Tông N, Châu Tông L2, Châu T, Châu Tông T3, Châu Tông N2, Châu Mỹ Thu H, Châu Mỹ H1, Châu M, Châu Mỹ T4, Châu Mỹ P3 và

Châu Mỹ C2. Ngoài ra ông C1 Khôn cùng với người vợ trước là bà Trang B (đã chết trước năm 1975) có với nhau 03 người con là Châu Tòng P1, Châu Mỹ V và Châu Mỹ N3 (chết không chồng, con). Trước khi ông Châu K và bà Trần Xuân L3 chết không có để lại di chúc thửa đất này cho bất kỳ ai. Thửa đất 106 nêu trên từ trước đến nay do phía bên bà Châu Mỹ V2 và bà Châu Mỹ H1 sống chung với bà Trần Xuân L3 tại đây và có công chăm sóc, phụng dưỡng, thờ cúng bà Trần Xuân L3, ông Châu K và có công sức giữ gìn, tu bổ, làm tăng giá trị quyền sử dụng đất. Nay ông Châu Tông N, ông Châu Tòng T2, bà Châu Mỹ Thu H, ông Châu Tông T3, ông Châu Tòng T2, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ H1, ông Châu Tông N2 và bà Châu Mỹ P3 thống nhất chia thừa kế cho bà C1 Mỹ Chi theo quy định pháp luật sau khi trừ đi diện tích căn nhà thờ diện tích 201m^2. Tuy nhiên bà V2 và bà H1 cùng có ý kiến khi chia thừa kế nêu trên thì phải trừ ra 02 suất thừa kế cho công sức của bà V2 có công phụng dưỡng, thờ cúng ông bà, cha mẹ và bà H1 có công giữ gìn làm tăng giá trị quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Tông L2: Không có văn bản nêu ý kiến của bản thân như thế nào đối với yêu cầu khởi kiện của bà Châu Mỹ C và bà Châu Mỹ V, ông chỉ có đơn xin giải quyết vắng mặt vào ngày 18/5/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Mỹ T4 trình bày: Cha mẹ của bà là ông Châu K và bà Trần Xuân L3 sau khi chết có để lại thửa đất số 106, tờ bản đồ 39 tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Hiện nay bà cùng với các anh chị em hiện đang ở trên thửa đất này gồm Châu Tông T3, Châu Tòng T2, Châu Tông L2, Châu Tông N, Châu Mỹ V2 và Châu Mỹ T4. Hiện nay bà Châu Mỹ C yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất trên, bà đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của bà Châu Mỹ C theo quy định pháp luật, bà không có ý kiến gì. Riêng đối với phần thừa kế của bà, bà không yêu cầu chia nhỏ ra, mà để chung cùng với các anh em còn lại, cùng đứng tên quản lý sử dụng chung và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Tòng P1 trình bày: Cha của ông là ông Châu K và mẹ là bà Trang Bá . Cha mẹ ông có tất cả là 03 người con gồm: Châu T, Châu Mỹ V và Châu Mỹ N3 (chết không chồng, con). Cha mẹ ông chết năm nào ông không nhớ, người em Châu Mỹ N3 chết không có chồng con. Sau khi mẹ ông chết thì cha ông kết hôn với vợ sau là bà Trần Xuân L3. Đối với thửa đất 106 nêu trên là tài sản của ông Châu K với bà Trần Xuân L3, mẹ ông là bà Trang B không có phần trong thửa đất này. Trên đất có căn nhà của ông Châu K với bà Trần Xuân L3 ở trước đây thì hiện nay do bà Mỹ V2, bà Mỹ H1, bà Mỹ P3, bà Mỹ T4, bà Thu H sử dụng, ngoài ra trên đất còn có nhà của ông Châu Tông L2, Châu Tông T5 và Châu Tông T3, riêng ông Châu Tông N thì ở phía sau. Đối với thửa đất 106 nêu trên hiện nay bà Châu Mỹ C yêu cầu chia thừa

kế, ông thống nhất chia theo quy định pháp luật. Đối với xuất thừa kế mà ông được hưởng thì ông giao lại cho bà Mỹ V2 và bà Mỹ H1 được quyền quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Châu Hoàng L1, chị Châu Hoàng M, chị Châu Hoàng Bảo C1 và anh Châu Hoàng L: Thống nhất ý kiến như bên bị đơn, không có ý kiến khác và xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị N1, anh Châu Hoàng A, chị Châu Hoàng D, bà Trần Ngọc T, chị Châu Hoàng Diễm T1, bà Lê Thu V1, chị Châu Hoàng M: Không có văn bản nêu ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Châu Mỹ C về việc yêu cầu chia thừa kế thửa 106, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Châu Mỹ C được hưởng thừa kế diện tích 538,63m^2, nhưng thực nhận sử dụng trên thực địa diện tích 453m^2 thuộc thửa 106, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có sơ đồ tứ cận là phần A, phần B được ban hành kèm theo Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023 của Văn phòng Đ Chi nhánh huyện C).

Ông Châu Tông N, ông Châu Tông L2, ông Châu Tòng T2, ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ T4, bà Châu Mỹ P3 mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà Châu Mỹ C giá trị chênh lệch là 9.637.500đồng (chín triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)

Ông Châu Tông N, ông Châu Tông L2, ông Châu Tòng T2, ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ T4, bà Châu Mỹ P3 cùng nhau được hưởng diện tích 4.394,66m^2 thuộc thửa 106, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có 246m^2 là đất ở, phần còn lại là đất trồng cây lâu năm) (có sơ đồ tứ cận là phần đất sau khi trừ đi phần A, phần B, phần C được ban hành kèm theo Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C và trừ đi diện tích đất tại phần b3, b4 của sơ đồ đất được ban hành kèm theo Công văn số 519/CNHCT ngày 16/5/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C).

Ông Châu Tông N, ông Châu Tông L2, ông Châu Tòng T2, ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ T4, bà Châu Mỹ P3 và bà Châu Mỹ C2 được quyền sử dụng chung diện tích 201m^2 loại đất ở (vị trí 1) (phần b3, b4 của sơ đồ đất được ban hành kèm theo Công văn số 519/CNHCT ngày 16/5/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C) và cùng được sử dụng chung diện tích 126m^2 loại đất cây lâu năm

(vị trí 1) dùng làm lối đi chung (có sơ đồ tứ cận kèm theo là phần C của sơ đồ đất được ban hành kèm theo Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế số tiền 690.000.000đồng của bà Châu Mỹ C và bà Châu Mỹ V.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế diện tích 165,8 m^2 trong tổng diện tích chung thực đo là 5.175m^2 thửa 106, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh của bà Châu Mỹ V.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà C1 Mỹ Chi diện tích 34,37m^2 thửa 106, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Châu Tông N, ông Châu Tông L2, ông Châu Tòng T2, ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ T4, bà Châu Mỹ P3 và bà Châu Mỹ C2 được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án đối với thửa 106, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Các tài sản trên đất tranh chấp các bên không có tranh chấp và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí thẩm định, định giá, cung cấp thông tin và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2023, nguyên đơn bà Châu Mỹ C kháng cáo Bản án sơ thẩm, bà không đồng ý chia cho bà vị trí đất tại phần ký hiệu A, B *(theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023)*, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chia cho bà vị trí tại phần ký hiệu E, D *(theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023)*.

Ngày 04 tháng 10 năm 2023, ông Châu Tông N, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ P3, bà Châu Mỹ H1 kháng cáo Bản án sơ thẩm, không đồng ý chia cho bà C1 Mỹ Chi vị trí đất tại phần ký hiệu A, B *(theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023)* yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho bà C vị trí đất tại phần ký hiệu K *(theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023)*

Ngày 05/10/2023, ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2 kháng cáo Bản án sơ thẩm, không đồng ý chia cho bà C1 Mỹ Chi vị trí đất tại phần ký A, B *(theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023)* yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chia cho bà C vị trí đất tại phần ký hiệu K *(theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023).*

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Châu Mỹ C không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên đơn kháng cáo. Bị đơn ông Châu Tông N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ Thu H giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Mỹ H1 cho rằng: Nguyên đơn bà Châu Mỹ C kháng cáo yêu cầu được chia vị trí đất tại phần ký hiệu D, E là không hợp lý, vì ngay vị trí này có hàng rào của bà Châu Mỹ V2 xây dựng và gần căn nhà thờ của ông Châu K và bà Trần Xuân L3 để lại, các anh chị em của bà H1 sau này sẽ sửa chữa, mở rộng căn nhà thờ này; trong khi đó bà C từ lâu đã đi theo chồng, không sống tại phần đất này. Ngoài ra, khi chia cho bà C phần đất tại vị trí K, diện tích lớn hơn, các anh chị em của bà H1 không phải trả giá trị phần chênh lệch cho bà C. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Châu Mỹ H1, không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Mỹ C.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng:

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Mỹ V2, Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ bà V2, phiên toàn hôm nay là phiên tòa mở lần thứ 02 nhưng bà V2 vắng mặt không có lý do chính đáng, xem như bà V2 đã từ bỏ yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà V2.

Thửa đất 106 hiện tại có 06 hộ gia đình đang quản lý sử dụng đất bao gồm: Hộ ông L2, ông T2, ông N, bà T4, bà V2 và ông T3; còn bà C sau khi lập gia đình về sống bên chồng ở Vĩnh Long không sống ở địa phương. Quá trình quản lý sử dụng các ông bà đã cất nhà kiên cố và trồng cây trên đất, các đương sự có trình bày muốn sửa chữa nới rộng nhà thờ ông bà theo hướng nhà ông Ba H2 (phần D và E cặp Quốc lộ E) để cho thuận tiện con cháu về thờ cúng đám giỗ; mặt khác bà H1, bà H, bà T4 bỏ tiền ra làm cổng và hàng rào quanh thửa đất 106, nếu chấp nhận kháng cáo của bà C phải đập bỏ hàng rào, nguyện vọng sửa chữa nới

rộng nhà thờ của các đồng thừa kế khác không thực hiện được nên việc kháng cáo của bà C yêu cầu giải quyết cho bà hưởng phần D và phần E không thể thực hiện. Đối với kháng cáo của các đồng thừa kế khác yêu cầu cho bà C hưởng phần K phần cuối thửa đất 106, cặp sông B Xét thấy bà C cũng là con của cụ K và cụ L3, Toà án cấp sơ thẩm xác định cho bà C được hưởng thừa kế tại vị trí phần A và B là đã có xem xét tình lý nên yêu cầu kháng cáo này của bị đơn và những đồng thừa kế khác cũng không thể chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Châu Mỹ C; bị đơn ông Châu Tông N, bà Châu Thị Thu H3; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ P3, bà Châu Mỹ H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Châu Mỹ V là bà Trang Nhơn P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị N1, ông Châu Hoàng A, chị Châu Hoàng D, bà Trần Ngọc T, chị Châu Hoàng Diễm T1, bà Lê Thu V1, bà Châu Mỹ V2 vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Châu Mỹ P3, ông Châu Tông N2, ông Châu Tông T3, ông Châu Tòng T2, chị Châu Hoàng Bảo C1, anh Châu Hoàng L, anh Châu Hoàng L1, chị Châu Hoàng M, bà Châu Mỹ T4 có đơn xin xét xử vắng mặt. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 5.175m^2 thuộc thửa 106, tờ bản đồ số 39, tọa lạc ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh là di sản của ông Châu K và bà Trần Xuân L3; việc xác định hàng thừa kế của ông Châu K, của bà Trần Xuân L3; việc tính công sức gìn giữ, làm tăng giá trị quyền sử dụng đất của ông Châu Tông N, ông Châu Tông L2, ông Châu Tòng T2, ông Châu Tông T3, bà Châu Mỹ V2, Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ T4 bằng 01 suất thừa kế của ông Châu K, bà Trần Xuân L3 và việc phân chia thừa kế cho hàng thưa kế thứ nhất của ông Châu K, bà Trần Xuân L3, sau khi xét xử các đương sự trong vụ án không có kháng cáo xem như chấp nhận những phần này như Tòa án cấp sơ thẩm đã xử. Nguyên đơn bà Châu Mỹ C; bị đơn ông Châu Tông N, bà Châu Mỹ Thu H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ P3, bà Châu Mỹ H1 chỉ kháng cáo về vị trí phần diện tích đất chia cho nguyên đơn bà Châu Mỹ C, cụ thể: Nguyên đơn bà Châu Mỹ C kháng cáo yêu cầu được chia đất ở vị trí phần ký hiệu E, D *(theo Sơ đồ khu đất kèm theo*

Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023). Còn bị đơn ông Châu Tông N, bà Châu Mỹ Thu H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ P3, bà Châu Mỹ H1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia cho bà C1 Mỹ Chi vị trí đất tại phần ký hiệu K *(theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023).*

[3] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Mỹ V2: Bà Châu Mỹ V2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không có đơn xin xét xử vắng mặt, xem như bà V2 từ bỏ yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà V2.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Châu Mỹ C; bị đơn ông Châu Tông N, bà Châu Mỹ Thu H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ P3, bà Châu Mỹ H1, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay trên thửa đất 106, vị trí phần đất giáp với Quốc lộ E có 03 ngôi nhà cấp 4 (01 ngôi nhà của ông Châu Tông L2; 01 ngôi nhà của ông Châu Tòng T2; 01 ngôi nhà của ông Châu K và bà Trần Xuân L3 để lại) nên không thể chia đều cho các đồng thừa kế của ông Châu K và bà Trần Xuân L3 vị trí đất giáp với Quốc lộ E. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ Thu H, ông Châu Tông N, ông Châu Tòng P1, ông Châu Tông L2 cũng có ý kiến nếu bà Châu Mỹ C yêu cầu được chia vị trí đất giáp Quốc lộ E thì họ cũng yêu cầu được chia phần đất giáp Quốc lộ E. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà C1 Mỹ Chi phần diện tích đất 453m^2 tại vị trí phần ký hiệu A, B *(theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023)* là đã xem xét đến hình thể thửa đất, vị trí tài sản trên đất, lợi ích của bà Châu Mỹ C cũng như của những người thừa kế khác, việc chia cho bà C1 Mỹ Chi vị trí phần đất này của Tòa án cấp sơ thẩm là hợp tình, hợp lý. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn bà Châu Mỹ C; bị đơn ông Châu Tông N, bà Châu Mỹ Thu H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ P3, bà Châu Mỹ H1 là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào công văn số: 875/CNHCT ngày 13/9/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện C nhận định thửa đất 106, diện tích 5.175m^2 là loại đất trồng cây lâu năm nhưng trong phần quyết định lại tuyên thửa đất 106 có 447m^2 đất ở là không phù hợp với nhận định của án sơ thẩm về xác định loại đất (BL 430 – 431). Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông Châu Tông N, ông Châu Tông L2, ông Châu Tòng T2, ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ T4, bà Châu Mỹ P3 và bà Châu Mỹ C2 được quyền kê khai, đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất phần đất làm lối đi chung diện tích đất 126m^2

(Phần ký hiệu C) là không phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm sửa phần này của cấp sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Mỹ H1, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Châu Tông N, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ P3 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho ông N, bà H, bà V2, bà P3.

Buộc bà Châu Mỹ C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0018579 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, bà C không phải nộp tiếp.

Buộc bà Châu Mỹ H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0018595 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, bà H1 không phải nộp tiếp.

Buộc ông Châu Tông T3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0018773 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, ông T3 không phải nộp tiếp.

Buộc ông Châu Tông N2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0018774 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, ông N2 không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 99, 166, 167, 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Châu Mỹ C; bị đơn ông

Châu Tông N, bà Châu Thị Thu H3; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ P3, bà Châu Mỹ H1.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Mỹ V2.

Sữa Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Châu Mỹ C về việc yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 5.175m^2, thửa 106, tờ bản đồ số 39, tọa lạc ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

1.1 Chia cho bà Châu Mỹ C được hưởng phần diện tích đất 453m^2 (Phần ký hiệu A, B), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 106, tờ bản đồ số 39, tọa lạc ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 106 (giáp phần ký hiệu C) có chiều dài gồm hai đoạn: Đoạn dài 12,49m và đoạn dài 5,02m.

Hướng Tây giáp thửa 100 có chiều dài gồm hai đoạn: Đoạn dài 12,5m và đoạn dài 05m.

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 106 có chiều dài 24,15m.

Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 106 có chiều dài 28,29m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 836/CNHCT ngày 31/8/2023)

Bà Châu Mỹ C được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất đối phần diện tích đất được chia trên theo quyết định của Bản án này.

1.2 Chia cho ông Châu Tông N, ông Châu Tông L2, ông Châu Tòng T2, ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ T4, bà Châu Mỹ P3 cùng nhau được hưởng phần diện tích 4.394,66m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 106, tờ bản đồ số 39 tọa lạc ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vị trí, tứ cận phần diện tích đất 4.394,66m^2 là phần đất sau khi trừ đi phần diện tích đất 579m^2 *(Phần ký hiệu A, B, C theo Sơ đồ khu đất được ban hành kèm theo Công văn số: 836/CNHCT ngày 31/8/2023 của Văn phòng Đ Chi nhánh huyện C)* và trừ đi phần diện tích đất 201m^2 *(Phần ký hiệu b3, b4 theo Sơ đồ khu đất được ban hành kèm theo Công văn số 519/CNHCT ngày 16/5/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C)*.

Ông Châu Tông N, ông Châu Tông L2, ông Châu Tòng T2, ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ T4, bà Châu Mỹ P3 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất đối phần diện tích đất được chia trên theo quyết định của Bản án này.

1.3. Buộc ông Châu Tông N, ông Châu Tông L2, ông Châu Tòng T2, ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ T4, bà Châu Mỹ P3 mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà C1 Mỹ Chi giá trị chênh lệch là 9.637.500đ (chín triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.4 Ông Châu Tông N, ông Châu Tông L2, ông Châu Tòng T2, ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ T4, bà Châu Mỹ P3 và bà Châu Mỹ C2 được quyền quản lý, sử dụng chung diện tích 201m^2 (phần ký hiệu b3, b4), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 106, tờ bản đồ số 39, tọa lạc ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vị trí, tứ cận phần diện tích đất 201m^2 là phần ký hiệu b3, b4 theo Sơ đồ khu đất được ban hành kèm theo Công văn số 519/CNHCT ngày 16/5/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C.

Ông Châu Tông N, ông Châu Tông L2, ông Châu Tòng T2, ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ T4, bà Châu Mỹ P3 và bà Châu Mỹ C2 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất đối phần diện tích đất 201m^2 (phần ký hiệu b3, b4) trên theo quyết định của Bản án này.

1.5. Dành phần diện tích 126m^2 (phần ký hiệu C), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 106, tờ bản đồ số 39, tọa lạc ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh làm lối đi chung cho hộ gia đình ông Châu Tông N, ông Châu Tông L2, ông Châu Tòng T2, ông Châu Tông T3, ông Châu Tông N2, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ H1, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ T4, bà Châu Mỹ P3 và bà Châu Mỹ C2. Vị trí, tứ cận phần diện tích đất 126m^2 là phần ký hiệu C theo Sơ đồ khu đất được ban hành kèm theo Công văn số: 836/CNHCT ngày 31/8/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Châu Tông N, bà Châu Mỹ Thu H, bà Châu Mỹ V2, bà Châu Mỹ P3.

Buộc bà Châu Mỹ C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0018579 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, bà C không phải nộp tiếp.

Buộc bà Châu Mỹ H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0018595 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, bà H1 không phải nộp tiếp.

Buộc ông Châu Tông T3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0018773 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, ông T3 không phải nộp tiếp.

Buộc ông Châu Tông N2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0018774 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, ông N2 không phải nộp tiếp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng